

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Hà Nội - Tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 12 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25/12/2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: Số 21 Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Tuấn	Ủy viên
	Ông Bùi Đại Minh	Ủy viên
	Ông Hoàng Mạnh Quân	Ủy viên
	Ông Phùng Văn Thanh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Mạnh Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đại Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Dương Xuân Tứ	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Dương Xuân Quang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Licogi 12

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Licogi 12

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 12, được lập ngày 19/03/2015, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015

Trần Thị Hương Quỳnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		315.932.967.890	295.602.639.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.097.917.001	28.798.174.774
1. Tiền	111		31.097.917.001	28.798.174.774
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		180.014.000	180.014.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	180.014.000	180.014.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.434.563.348	150.646.890.841
1. Phải thu khách hàng	131		212.209.131.178	142.935.523.097
2. Trả trước cho người bán	132		4.087.772.889	7.198.124.471
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.013.444.548	1.271.716.428
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.875.785.267)	(758.473.155)
IV. Hàng tồn kho	140		57.933.045.772	107.582.476.902
1. Hàng tồn kho	141	5.4	57.933.045.772	107.582.476.902
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.287.427.769	8.395.083.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.267.777.999	984.092.939
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	8.019.649.770	7.410.990.080
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		63.115.298.151	74.377.546.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		61.792.978.151	73.055.226.561
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	35.069.996.348	44.907.291.415
Nguyên giá	222		207.981.312.737	217.167.866.816
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(172.911.316.389)	(172.260.575.401)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		138.685.576	138.685.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.685.576)	(138.685.576)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	26.722.981.803	28.147.935.146
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.322.320.000	1.322.320.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	1.222.320.000	1.222.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	5.880.000.000	5.880.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	100.000.000	100.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.880.000.000)	(5.880.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		379.048.266.041	369.980.186.097

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		313.946.972.907	308.073.290.883
I. Nợ ngắn hạn	310		309.104.892.427	298.862.440.574
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	41.530.799.427	94.764.027.260
2. Phải trả người bán	312		75.436.782.757	91.180.802.126
3. Người mua trả tiền trước	313		38.650.089.959	37.993.660.017
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	5.181.422.845	6.589.425.535
5. Phải trả người lao động	315		16.999.090.595	21.745.138.040
6. Chi phí phải trả	316	5.12	114.481.103.956	27.916.024.634
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	15.668.463.120	18.039.405.432
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.157.139.768	633.957.530
II. Nợ dài hạn	330		4.842.080.480	9.210.850.309
3. Phải trả dài hạn khác	333		303.502.642	224.182.191
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	4.538.577.838	8.986.668.118
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.101.293.134	61.906.895.214
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.101.293.134	61.906.895.214
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.15	4.380.364.000	4.380.364.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.15	(2.611.290.000)	(2.611.290.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.15	4.685.359.663	3.318.719.827
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.15	2.746.949.586	849.655.576
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15	5.899.909.885	5.969.445.811
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		379.048.266.041	369.980.186.097

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		364.170.038.838	298.207.836.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	364.170.038.838	298.207.836.593
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	339.587.130.035	270.838.415.367
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.582.908.803	27.369.421.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	735.310.616	5.046.907.539
7. Chi phí tài chính	22	5.18	7.893.774.799	20.445.233.182
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.893.774.799	12.188.233.182
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.163.637.387	6.480.496.916
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.260.807.233	5.490.598.667
11. Thu nhập khác	31	5.19	6.647.623.994	638.178.862
12. Chi phí khác	32	5.19	2.972.727.546	139.989.651
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.674.896.448	498.189.211
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.935.703.681	5.988.787.878
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.20	1.359.819.524	1.530.679.231
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.575.884.157	4.458.108.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.388	941

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.935.703.681	5.988.787.878
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.235.049.613	14.667.630.901
- Các khoản dự phòng	03	4.117.312.112	4.707.406.911
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.287.772.433)	(3.182.028.753)
- Chi phí lãi vay	06	7.893.774.799	12.188.233.182
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	27.894.067.772	34.370.030.119
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(67.513.644.309)	15.155.044.080
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	49.649.431.130	(9.373.700.261)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	64.902.955.629	1.410.210.863
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(4.283.685.060)	768.843.083
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.571.112.459)	(12.118.096.827)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.458.102.466)	(688.538.456)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(187.000.000)	(299.570.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.432.910.237	29.224.222.601
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.745.528.476)	(26.109.308.185)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	6.325.189.090	518.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.660.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	735.310.616	90.907.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.314.971.230	(25.515.878.827)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	128.449.867.116	202.743.231.405
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(186.177.620.806)	(202.618.148.672)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.720.385.550)	(2.843.472.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(60.448.139.240)	(2.718.389.867)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.299.742.227	989.953.907
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.798.174.774	27.808.220.867
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31.097.917.001	28.798.174.774

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LICOGI 12 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 12, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 053A/BXD-TCLĐ ngày 20/03/1993 và được đổi tên thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 12 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng. Theo Quyết định số 1523/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 12 - LICOGI 12. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 668NQ/ĐHĐCĐ-LICOGI 12 ngày 22/06/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần LICOGI 12.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 25/12/2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LICOGI 12 Joint Stock Company.

Tên viết tắt: LICOGI 12., JSC.

Trụ sở chính: Số 21 Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng 12.1	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
2	Xí nghiệp Xây dựng 12.2	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Xí nghiệp Xử lý nền móng	C1 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
4	Xí nghiệp Sản xuất VLXD Hà Nam	Tiểu khu La Mát, thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác quặng sắt: Kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản: kim loại màu, kim loại đen và phi kim loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hệ thống thiết bị công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, mỡ; Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc; Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng, đường hầm); Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, khu du lịch, vui chơi giải trí;

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Chuẩn bị mặt bằng: Xử lý nền móng bằng phương tiện cơ giới (khoan nhồi, đóng cọc bê tông cốt thép, ván thép, ống thép các loại, cọc Beretter); Vận chuyển, san lấp nền móng các loại công trình xây dựng bằng phương tiện cơ giới xây dựng;
- Sản xuất các kết cấu kim loại: Sản xuất sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, vật tư và thiết bị xây dựng, sản xuất cầu trục và thiết bị nâng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng (đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khảo sát địa chất công trình; Tư vấn thiết kế (Thiết kế kiến trúc công trình với chức danh kiến trúc sư chủ nhiệm đồ án; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch khu đô thị và nông thôn; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp), giám sát các công trình xây dựng;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ phân bổ cho các Dự án đang thực hiện chưa phát sinh doanh thu và một số các chi phí khác.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị Quyết của Đại hội Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.686.705.466	4.175.245.416
Tiền gửi Ngân hàng	29.411.211.535	24.622.929.358
Tổng	31.097.917.001	28.798.174.774

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư chứng khoán mua 10.450 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với giá gốc là 180.014.000 đồng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	2.593.812
Phải thu khác	-	-
Công ty CP Licogi 12.9	1.004.632.582	400.000.000
Các khoản khác	1.008.811.966	869.122.616
Tổng	2.013.444.548	1.271.716.428

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.342.869.745	6.108.173.764
Công cụ, dụng cụ	50.234.009	38.873.874
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.931.859.359	97.827.346.605
Thành phẩm	3.608.082.659	3.608.082.659
Tổng	57.933.045.772	107.582.476.902

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	7.690.649.770	7.171.990.080
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	329.000.000	239.000.000
Tổng	8.019.649.770	7.410.990.080

5.6. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	16.314.671.538	137.614.139.650	62.043.672.351	1.195.383.277	217.167.866.816
Tăng trong năm	-	160.000.000	1.988.254.546	249.500.000	2.397.754.546
Mua trong năm	-	160.000.000	1.988.254.546	249.500.000	2.397.754.546
Giảm trong năm	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Thanh lý	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Tại ngày 31/12	16.314.671.538	136.169.514.366	54.052.243.556	1.444.883.277	207.981.312.737
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	8.477.469.373	107.396.019.095	55.315.286.169	1.071.800.764	172.260.575.401
Tăng trong năm	2.776.982.494	7.384.488.992	1.809.206.139	264.371.988	12.235.049.613
Trích khấu hao	2.776.982.494	7.384.488.992	1.809.206.139	264.371.988	12.235.049.613
Giảm trong năm	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Thanh lý	-	1.604.625.284	9.979.683.341	-	11.584.308.625
Tại ngày 31/12	11.254.451.867	113.175.882.803	47.144.808.967	1.336.172.752	172.911.316.389
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	7.837.202.165	30.218.120.555	6.728.386.182	123.582.513	44.907.291.415
Tại ngày 31/12	5.060.219.671	22.993.631.563	6.907.434.589	108.710.525	35.069.996.348

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đền bù khu đất Cầu Bươu	445.128.022	445.128.022
Trạm bê tông 2	2.309.829.147	1.803.680.147
Trạm chế biến đá Kien Khê	-	1.931.102.343
Tòa nhà văn phòng Licogi 12	23.968.024.634	23.968.024.634
Tổng	26.722.981.803	28.147.935.146

5.8. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty con		
Công ty CP Licogi 12.6	1.222.320.000	1.222.320.000
Công ty liên kết		
Công ty CP Licogi 12.9	5.880.000.000	5.880.000.000
Tổng	7.102.320.000	7.102.320.000

Chi tiết thông tin về công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tr. đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty CP Licogi 12.6	KCN vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, HN	2.200	56%	Xây dựng, sản xuất các sản phẩm cơ khí
2	Công ty CP Licogi 12.9	Số 127 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, HN	12.000	49%	San lấp, xử lý nền móng

5.9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	-
Đầu tư dài hạn khác (*)		
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Ia Hiao</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
Tổng	100.000.000	100.000.000

(*) Vốn góp thực hiện dự án thủy điện Ia Hiao 3 (công suất 4MW) thuộc địa bàn huyện Ea H'Leo do Công ty CP Thủy điện Ia Hiao làm chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	40.112.635.076	47.924.143.240
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	46.243.669.135
Quỹ tương trợ Công ty	190.639.351	206.214.885
Vay cá nhân	1.227.525.000	390.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng	41.530.799.427	94.764.027.260

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.841.454.464	3.153.997.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.663.654	2.245.623.898
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	1.195.304.727	1.189.804.446
Tổng	5.181.422.845	6.589.425.535

5.12. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án 21 Đại Từ	15.100.028.203	23.968.024.634
Dự án Đồng Nai	94.545.244.525	-
Gói thầu 7 Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	1.302.190.231	3.948.000.000
CT Thủy điện Dakmi	1.658.246.307	
CT Thủy điện Bản Chát	1.875.394.690	
Tổng	114.481.103.956	27.916.024.634

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.363.876.625	1.418.438.153
Bảo hiểm xã hội	-	343.183.567
Bảo hiểm y tế	1.820.565	-
Quỹ thưởng Ban điều hành	-	49.081.551
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	
<i>Phải trả khác (dư có 141)</i>	7.092.212.020	8.985.563.522
<i>Các khoản khác</i>	7.210.553.910	7.243.138.639
Tổng	15.668.463.120	18.039.405.432

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)	357.000.000	1.895.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	4.181.577.838	7.091.168.118
Nợ dài hạn	-	-
Số dư vay và nợ dài hạn	4.538.577.838	8.986.668.118

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTĐTH ký ngày 08/02/2012

Mục đích vay: Mua 3 xe Hyundai vận chuyển bê tông.

Số tiền vay: 4.097.000.000 đồng

Thời hạn vay: 3 năm.

Lãi suất: Theo thông báo của ngân hàng, điều chỉnh 3 tháng/lần.

(2): Hợp đồng vay số 1.11.056.30073.TD ký ngày 04/01/2011

Mục đích vay: Mua máy Casagrande

Số tiền vay: 685.422,53 USD

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất: 8,2%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15. Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận	
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	%		VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	596.700	5.967.000.000	12%	5.967.000.000	5.967.000.000
Dương Xuân Quang	752.317	7.523.170.000	15%	7.523.170.000	7.523.170.000
Hoàng Minh Tuấn	153.248	1.532.480.000	3%	1.532.480.000	1.532.480.000
Lê Quang Định	10.113	101.130.000	0%	101.130.000	101.130.000
Các cổ đông khác	3.487.622	34.876.220.000	70%	34.876.220.000	34.876.220.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.720.385.550	2.843.472.600

c. Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.738.871	4.738.871

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.318.719.827	1.149.225.576	4.354.809.764	60.591.829.167
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.458.108.647	4.458.108.647
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	4.458.108.647	4.458.108.647
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	299.570.000	2.843.472.600	3.143.042.600
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.843.472.600	2.843.472.600
Chi quỹ	-	-	-	-	299.570.000	-	299.570.000
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.318.719.827	849.655.576	5.969.445.811	61.906.895.214
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	3.318.719.827	849.655.576	5.969.445.811	61.906.895.214
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.366.639.836	1.897.294.010	6.575.884.157	9.839.818.003
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	6.575.884.157	6.575.884.157
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.366.639.836	1.897.294.010	-	3.263.933.846
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	6.645.420.083	6.645.420.083
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	3.925.034.533	3.925.034.533
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.720.385.550	2.720.385.550
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	4.380.364.000	(2.611.290.000)	4.685.359.663	2.746.949.586	5.899.909.885	65.101.293.134

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	308.437.638.577	215.001.587.207
Doanh thu bán bê tông	48.220.490.070	63.329.491.211
Doanh thu khác	7.511.910.191	19.876.758.175
Tổng	364.170.038.838	298.207.836.593

5.17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	292.526.469.947	195.726.590.896
Giá vốn bán bê tông	46.498.099.700	61.339.330.390
Giá vốn khác	562.560.388	13.772.494.081
Tổng	339.587.130.035	270.838.415.367

5.18. Doanh thu/Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	539.739.416	90.907.539
Cổ tức lợi nhuận được chia	195.571.200	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.956.000.000
Tổng	735.310.616	5.046.907.539
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.893.774.799	12.188.233.182
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phiếu	-	2.377.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	5.880.000.000
Tổng	7.893.774.799	20.445.233.182
Lãi/Lỗ từ hoạt động tài chính	(7.158.464.183)	(15.398.325.643)

5.19. Thu nhập/chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản, CCDC	6.325.189.090	518.181.819
Thu nhập khác	322.434.904	119.997.043
Tổng	6.647.623.994	638.178.862
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản, CCDC thanh lý	2.772.727.273	6.060.605
Chi phí khác	200.000.273	133.929.046
Tổng	2.972.727.546	139.989.651
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	3.674.896.448	498.189.211

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.935.703.681	5.988.787.878
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>200.000.273</i>	<i>133.929.046</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(1.954.706.118)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	6.180.997.836	6.122.716.924
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.359.819.524	1.530.679.231

Chi phí thuế TNDN được Công ty tạm tính chưa bao gồm các khoản điều chỉnh tăng/giảm khác. Số thuế TNDN phải nộp cuối cùng sẽ được điều chỉnh theo quyết định và hướng dẫn của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.575.884.158	4.458.108.647
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.575.884.158	4.458.108.647
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.738.871	4.738.871
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.388	941

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch với các bên liên quan***Trong năm tài chính 2014, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giao dịch mua hàng				
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty con	Mua hàng	6.671.928.213	3.482.937.291
Công ty TNHH MTV Licogi 12 - CIC	Công ty con	Xây lắp	9.128.704.342	#####
Công ty Cổ phần Licogi 12.9	Công ty liên kết	Xây lắp	5.889.154.545	9.947.778.505
Giao dịch bán hàng				
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Công ty góp vốn	Xây lắp	#####	2.571.335.021
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty con	Thuê xưởng	603.774.731	639.351.340
		Bán vật tư	17.319.030	-
Công ty TNHH MTV Licogi 12 - CIC	Công ty con	Bán vật tư, dịch vụ	-	360.376.767

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2014:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu				
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Công ty góp vốn	Phải thu khách hàng	50.475.840.538	22.585.257.704
		Trả trước người bán	16.012.698	16.012.698
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty con	Phải thu khách hàng	664.152.204	-
		Phải thu khác	73.339.200	-
Công ty TNHH MTV Licogi 12 - CIC	Công ty con	Phải thu khác	4.956.855	31.540.000
		Phải thu khách hàng	-	754.701.000
Công ty Cổ phần Licogi 12.9	Công ty liên kết	Trả trước người bán	-	1.404.052.417
		Phải thu khác	1.004.632.582	400.000.000
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Licogi 12.6	Công ty con	Phải trả người bán	2.217.166.194	223.333.648
Công ty TNHH MTV Licogi 12 - CIC	Công ty con	Phải trả người bán	6.360.419.998	2.760.193.637
Công ty Cổ phần Licogi 12.9	Công ty con	Phải trả người bán	2.230.483.176	-

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên chủ chốt năm 2014:***

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
HDQT và BGĐ	Thù lao	1.028.889.183	859.282.976

6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.097.917.001	28.798.174.774
Phải thu khách hàng và phải thu khác	214.222.575.726	144.207.239.525
Đầu tư ngắn hạn	180.014.000	180.014.000
Tổng	245.500.506.727	173.185.428.299
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	46.069.377.265	103.750.695.378
Phải trả người bán và phải trả khác	91.105.245.877	109.220.207.558
Chi phí phải trả	114.481.103.956	27.916.024.634
Tổng	251.655.727.098	240.886.927.570

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	41.530.799.427	4.538.577.838	46.069.377.265
Phải trả người bán và phải trả khác	91.105.245.877	-	91.105.245.877
Chi phí phải trả	114.481.103.956	-	114.481.103.956
Tổng	247.117.149.260	4.538.577.838	251.655.727.098
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	94.764.027.260	8.986.668.118	103.750.695.378
Phải trả người bán và phải trả khác	109.220.207.558	-	109.220.207.558
Chi phí phải trả	27.916.024.634	-	27.916.024.634
Tổng	231.900.259.452	8.986.668.118	240.886.927.570

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2. Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.097.917.001	-	31.097.917.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	214.222.575.726	-	214.222.575.726
Đầu tư ngắn hạn	180.014.000	-	180.014.000
Tổng	245.500.506.727	-	245.500.506.727
			-
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.798.174.774	-	28.798.174.774
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.207.239.525	-	144.207.239.525
Đầu tư ngắn hạn	180.014.000	-	180.014.000
Tổng	173.185.428.299	-	173.185.428.299

6.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Hiệp

Nguyễn Thị Chung

Dương Xuân Quang